| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN D**<br>**TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22-3-2022
Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Duy.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Văn Hà.

2. Bà Bùi Thị Kim Thủy.

- ***Thư kY phiên tòa:*** Bà Trương Thị Hoàn – Thư kY Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Khuê - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 55/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 04/TB-TA ngày 03 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị R, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố B, thị trấn C, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. "Vắng mặt – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt"

Bị đơn: Ông Tạ Tấn T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố B, thị trấn C, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. "Vắng mặt"

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện; bản khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Trần Thị R trình bày:*

*Về hôn nhân:* Bà Trần Thị R và ông Tạ Tấn T kết hôn năm 2012, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, không bị ai ép buộc, được hai bên gia đình đồng Y và có đăng kY kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện D, tỉnh

Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 20/02/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại khu phố Thanh Tân, thị trấn C, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vợ, chồng sống chung hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm nên thường xuyên gây gỗ, cãi nhau dẫn đến sống chung không hạnh phúc. Vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng không còn tình cảm gì với nhau. Nay, nhận thấy hôn nhân không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên bà R yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông T.

*Về con chung:* Trong thời kỳ hôn nhân bà R và ông T có 02 con chung tên là Tạ Ngọc O, sinh ngày 26/6/2012 và Tạ Xuân N, sinh ngày 07/9/2016. Khi ly hôn bà R yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản và nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn – ông Tạ Tấn T vắng mặt trong quá trình tố tụng.*

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số 55/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, kèm theo giấy triệu tập ông T đến Tòa án để làm việc, nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do và không có văn bản nào gửi cho Tòa án thể hiện Y kiến về nội dung vụ án. Vì vậy, Tòa án căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*Phát biểu của Kiểm sát viên:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại các phiên tòa sơ thẩm là chưa chấp hành pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Trần Thị R được ly hôn ông Tạ Tấn T; về con chung, đề nghị giao các cháu Tạ Ngọc O và Tạ Xuân N cho bà Trần Thị R được quyền trực tiếp nuôi dưỡng; ông Tạ Tấn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Y kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Tòa án nhân dân huyện D nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Bị đơn ông Tạ Tấn T có nơi cư trú tại khu phố Thanh Tân, thị trấn C, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Trần Thị R yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Tạ Tấn T, đồng thời yêu cầu được quyền nuôi các con chung khi ly hôn nên xác định quan hệ

tranh chấp của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Trần Thị R có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; ông Tạ Tấn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia các phiên tòa sơ thẩm ngày 16/7/2021 và ngày 22/3/2022, nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bà R và ông T theo quy định.

[2]. *Về hôn nhân:* Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 28, quyển số 01/2012 ngày 20/02/2012 của Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xác định hôn nhân giữa bà Trần Thị R và ông Tạ Tấn T là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên xung đột trong cuộc sống nên sống chung không hạnh phúc. Hiện hai bên vẫn sống chung một nhà nhưng đã ly thân, không còn quan hệ về tình cảm. Nay, bà R xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc và không thể sống chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa bà R và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà R được ly hôn ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3]. *Về con chung:* Bà Trần Thị R và ông Tạ Tấn T có 02 con chung tên là Tạ Ngọc O, sinh ngày 26/6/2012 và Tạ Xuân N, sinh ngày 07/9/2016, hiện nay đang sống cùng bà R và ông T, bà R yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung khi ly hôn. Xét yêu cầu của của bà R thấy rằng, cháu O có nguyện vọng được ở với bà R khi bà R, ông T ly hôn và hiện nay cháu N còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ, do đó giao cháu O và cháu N cho bà R được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà R không yêu cầu nên ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4]. *Về tài sản và nợ chung:* Bà R không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội thì nguyên đơn là bà R phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

*1. Về hôn nhân:* Bà Trần Thị R được ly hôn ông Tạ Tấn T.

*2. Về con chung:* Giao cháu Tạ Ngọc O, sinh ngày 26/6/2012 và Tạ Xuân N, sinh ngày 07/9/2016 cho bà Trần Thị R được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Tạ Tấn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

*Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chưa thành N; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.*

*Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc các tổ chức, cá nhân được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.*

*3. Về tài sản và nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*4. Về án phí:* Bà Trần Thị R phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004695 ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà Trần Thị R đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

*5. Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND thị trấn C, huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Nguyễn Văn Duy**